TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 04 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu: *"công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Võ Quang H,** sinh năm: 1988;

Trú tại: Số 114 đường L, tổ 77, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1990;

Trú tại: K746/19 đường T, tổ 04, phường X, quận T, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2012 cấp ngày 22/5/2012. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: Số 114 đường L, tổ 77, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông, bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả với nhau. Vợ chồng ông, bà cũng đã cố gắng nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả dẫn đến đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà V lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà V đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà V là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định có 03 con chung là Võ Khôi N, sinh ngày: 19/09/2012, Võ Minh Q, sinh ngày: 31/10/2014 và Võ Thị Bảo Q, sinh ngày: 25/8/2017. Ly hôn, ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận thống nhất giao các con chung Võ Minh Q, Võ Thị Bảo Q cho ông Võ Quang H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung Võ Minh Q, Võ Thị Bảo Q đủ 18 tuổi. Giao con chung Võ Khôi N cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Võ Khôi N đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung của ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V là

thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007852 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Võ Quang H** và bà **Nguyễn Thị V.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V nên Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 22/5/2012 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định có 03 con chung là Võ Khôi N, sinh ngày: 19/09/2012, Võ Minh Q, sinh ngày: 31/10/2014 và Võ Thị Bảo Q, sinh ngày: 25/8/2017. Ly hôn, ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận thống nhất giao các con chung Võ Minh Q, Võ Thị Bảo Q cho ông Võ Quang H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung Võ Minh Q, Võ Thị Bảo Q đủ 18 tuổi. Giao con chung Võ Khôi N cho bà Nguyễn Thị

V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Võ Khôi N đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Võ Quang H và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007852 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

PHÙNG ANH DŨNG